TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-3-2026.
V/v "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Hồng.

Ông Thạch Tân Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Đức Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 502/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/ĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Anh Phạm Minh Q, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt; anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Qua tìm hiểu, chị T và anh Phạm Minh Q tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chị T và anh Q có tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/9/2006. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T và anh Q không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm đến nhau. Hiện chị T đã ra nhà trọ ở và sống ly thân với anh Q từ tháng 9/2025 đến nay. Nay chị Thương cảm T1 tình cảm không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh Q.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Như Q1, sinh ngày 31/12/2006; Phạm Thị Như L, sinh ngày 21/4/2014 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 21/4/2014. Cả 03 con chung đang sống chung với anh Phạm Minh Q. Hiện cháu Như Q1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Như L và Như Y, chị T đề nghị tiếp tục giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn anh Phạm Minh Q mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa:

Chị T xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Q2 mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thương yêu C ly hôn với bị đơn anh Phạm Minh Q, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp ly hôn, về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Minh Q có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Minh Q được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị T và anh Q thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay. Qua đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập anh Q đến Tòa nhiều lần để giải quyết việc chị T xin ly hôn với anh Q nhưng anh Q vẫn không đến, anh Q đã bỏ mặc cuộc hôn nhân với chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhập yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở.

[3.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Như Q1, sinh ngày 31/12/2006; Phạm Thị Như L, sinh ngày 21/4/2014 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 21/4/2014. Hiện cháu Q1 đã trưởng thành nên không xem xét. Riêng cháu L và cháu Y đang sống với anh Q. Ly hôn, chị T yêu cầu giao cháu L và cháu Y cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy hiện cháu L và cháu Y đã sống ổn định với anh Q. Đồng thời, anh Q dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không trình bày ý kiến đồng ý hay phản đối, nên nhận thấy giao cháu L và cháu Y cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có ý kiến chị không cấp dưỡng nuôi con, phía anh Q vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Minh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Như L, sinh ngày 21/4/2014 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 21/4/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu Y đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009042 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên chị T đã nộp xong.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Kiều Oanh